

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

Môn học

KINH TẾ VI MÔ

Mã môn: MIE22031

Dùng cho các ngành (Hệ Cao đẳng)

KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Bộ môn phụ trách

QUẢN TRỊ KINH DOANH

THÔNG TIN VỀ CÁC GIẢNG VIÊN

CÓ THỂ THAM GIA GIẢNG DẠY MÔN HỌC

1. ThS. Nguyễn Thị Hoàng Đan – Giảng viên cơ hữu

- Chức danh, học hàm, học vị: *Thạc sĩ*
- Thuộc bộ môn: Quản trị Kinh doanh
- Địa chỉ liên hệ: 36 đường Dân Lập – Dư Hàng Kênh – Lê Chân – Hải Phòng
- Điện thoại: 0902125129 Email: dananth@hpu.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Nguyên lý kinh tế, Quản trị doanh nghiệp, Quản trị sản xuất...

2. ThS. Đỗ Thị Bích Ngọc – Giảng viên cơ hữu

- Thuộc bộ môn: Quản trị Kinh doanh
- Địa chỉ liên hệ: 36 đường Dân Lập – Dư Hàng Kênh – Lê Chân – Hải Phòng
- Điện thoại: 0902125129 Email: dananth@hpu.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Nguyên lý kinh tế, Quản trị doanh nghiệp, Quản trị nhân lực, kinh tế lượng...

3. CN. Lê Đình Mạnh – Giảng viên cơ hữu

- Thuộc bộ môn: Quản trị Kinh doanh
- Địa chỉ liên hệ: 36 đường Dân Lập – Dư Hàng Kênh – Lê Chân – Hải Phòng
- Điện thoại: 0902125129 Email: dananth@hpu.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Nguyên lý kinh tế, Quản trị doanh nghiệp, phân tích kinh tế, tài chính doanh nghiệp...

4. ThS. Nguyễn Thị Diệp – Giảng viên cơ hữu

- Thuộc bộ môn: Quản trị Kinh doanh
- Địa chỉ liên hệ: 36 đường Dân Lập – Dư Hàng Kênh – Lê Chân – Hải Phòng
- Điện thoại: 0902125129 Email: dananth@hpu.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Nguyên lý kinh tế, Quản trị doanh nghiệp, tài chính doanh nghiệp...

5. ThS. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ – Giảng viên cơ hữu

- Thuộc bộ môn: Quản trị Kinh doanh
- Địa chỉ liên hệ: 36 đường Dân Lập – Dư Hàng Kênh – Lê Chân – Hải Phòng
- Điện thoại: Email:
- Các hướng nghiên cứu chính:

6. ThS. Vũ Thị Lành – Giảng viên cơ hữu

- Thuộc bộ môn: Quản trị Kinh doanh
- Địa chỉ liên hệ: 36 đường Dân Lập – Dư Hàng Kênh – Lê Chân – Hải Phòng
- Điện thoại: 0916616505 Email: lanhvt@hpu.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Nguyên lý kinh tế, Lý thuyết tài chính tiền tệ, Kinh tế đầu tư...

THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

1. Thông tin chung

- Số đơn vị học trình/ tín chỉ: 3 tín chỉ = 67,5 tiết (45 phút)

- Các môn học tiên quyết:

Sinh viên đã được trang bị phần kiến thức giáo dục đại cương, phần kiến thức khối ngành và cơ sở ngành như: Toán cao cấp, Kinh tế chính trị...

- Các môn học kế tiếp: Các môn chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp, Kế toán kiểm toán, Tài chính ngân hàng... (các ngành đào tạo có mã ngành 400...)

- Các yêu cầu đối với môn học (nếu có): Sinh viên phải tìm hiểu tài liệu liên quan đến môn học trước khi lên lớp.

- Thời gian phân bổ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết = 52,9%

+ Làm bài tập trên lớp: 13,5 tiết = 20%

+ Thảo luận: 11 tiết = 17%

+ Hoạt động theo nhóm: 5 tiết = 7,2%

+ Tự học: 90 giờ (không tính vào giờ lên lớp)

+ Kiểm tra: 2 tiết = 2,9%

2. Mục tiêu của môn học:

- Kiến thức: Môn kinh tế học vi mô được giảng dạy nhằm mục đích trang bị kiến thức khoa học cho sinh viên kinh tế về: lựa chọn các vấn đề kinh tế cơ bản; xu hướng vận động của các hoạt động kinh tế vi mô trên thị trường; những hạn chế của nền kinh tế thị trường và vai trò điều tiết của Chính phủ.

Kinh tế học vi mô nghiên cứu hành vi của người tiêu dùng, lựa chọn sản xuất tối ưu của các doanh nghiệp. Nghiên cứu về quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh..., hạn chế của nền kinh tế thị trường và vai trò điều tiết của Chính phủ.

- Kỹ năng: Kinh tế học vi mô là một môn khoa học kinh tế cơ bản cung cấp kiến thức lý luận và phương pháp luận cho việc nghiên cứu cụ thể các môn khoa học quản lý của doanh nghiệp. Kinh tế học vi mô giúp sinh viên tìm hiểu, nghiên cứu kinh nghiệm phát triển các hoạt động kinh tế vi mô trong nền kinh tế thị trường của một số nước và thực tiễn tại Việt Nam.

- Thái độ: Sinh viên sẽ hình thành suy nghĩ bước đầu về việc vận dụng kiến thức vào việc nghiên cứu các hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp

3. Tóm tắt nội dung môn học:

Kinh tế học vi mô là một môn khoa học kinh tế cơ bản cung cấp kiến thức lý luận và phương pháp luận cho việc nghiên cứu cụ thể các môn khoa học quản lý của doanh nghiệp. Kinh tế học vi mô giúp sinh viên tìm hiểu, nghiên cứu kinh nghiệm phát triển các hoạt động kinh tế vi mô trong nền kinh tế thị trường của một số nước và thực tiễn tại Việt Nam.

Kinh tế học vi mô được coi là một trong những nội dung cơ sở chuyên ngành quan trọng của các ngành học liên quan đến kinh tế. Kinh tế học vi mô trang bị kiến thức khoa học cho sinh viên kinh tế về: lựa chọn các vấn đề kinh tế cơ bản; xu hướng vận động của các hoạt động kinh tế vi mô trên thị trường; những hạn chế của nền kinh tế thị trường và vai trò điều tiết của Chính phủ...

Kinh tế học vi mô nghiên cứu hành vi của người tiêu dùng, lựa chọn sản xuất tối ưu của các doanh nghiệp. Nghiên cứu về quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh..., hạn chế của nền kinh tế thị trường và vai trò điều tiết của Chính phủ. Sau khi học xong môn học sinh viên sẽ hình thành suy nghĩ bước đầu về việc vận dụng kiến thức vào việc nghiên cứu các hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp

4. Học liệu:

- Học liệu bắt buộc ghi theo thứ tự ưu tiên (tên sách, tên tác giả, nhà xuất bản, nơi có tài liệu này, website, băng hình, ...):

1. *Kinh tế học Vi mô* (Giáo trình chuẩn của Bộ giáo dục và Đào tạo dùng cho các trường Đại học và Cao đẳng), NXB Giáo dục 2002.
2. Bộ Giáo dục Đào tạo, *Kinh tế học vi mô*, GS.TS. Ngô Đình Giao, Nhà xuất bản giáo dục, 2006.
3. Trường Kinh tế Quốc dân, *Kinh tế học vi mô*, GS.TS. Ngô Đình Giao, Nhà xuất bản giáo dục, 2004.
4. Tập bài giảng “Nguyên lý Kinh tế học vi mô”, TS. Vũ Kim Dũng chủ biên, Trường đại học Kinh tế Quốc dân, NXB Thống kê 2005.
5. *101 bài tập kinh tế vi mô chọn lọc*, Nhà xuất bản thống kê, 2004.
6. *Kinh tế học vi mô*, TS. Cao Thúy Xiêm, Nhà xuất bản Thống kê, 2004.

- Học liệu tham khảo ghi theo thứ tự ưu tiên (tên sách, tên tác giả, nhà xuất bản, nơi có tài liệu này, website, băng hình, ...).

1. Bộ Giáo dục Đào tạo, *Kinh tế học vi mô*, GS.TS. Ngô Đình Giao, Nhà xuất bản giáo dục, 1997.
2. Trường Kinh tế Quốc dân, *Kinh tế học vi mô*, GS.TS. Ngô Đình Giao, Nhà xuất bản giáo dục, 1997.
3. *101 bài tập kinh tế vi mô chọn lọc*, Nhà xuất bản thống kê, 1997.
4. *Hướng dẫn thực hành Kinh tế vi mô*, NXB Thống kê, Hà Nội 2003.
5. *Hướng dẫn thực hành Kinh tế quản lý*, NXB Thống kê, Hà Nội 2002.
6. *Câu hỏi bài tập trắc nghiệm Kinh tế*, nhóm tác giả TS.Nguyễn Như Ý, Ths. Trần Thị Bích Dung, Ths. Trần Bá Thọ, Ths. Nguyễn Hoàng Bảo, NXB Thống Kê, Hà Nội 2005.
7. *Kinh tế học vi mô*, TS. Cao Thúy Xiêm, Nhà xuất bản Thống kê, 1997.
8. Peter Smith/David Begg, *Kinh tế học (tập 1)*, Nhà xuất bản giáo dục, sách dịch, 1997.
9. Samunesson, *Kinh tế học (tập 1)*, NXB Giáo dục, sách dịch, 1997.
10. Robert S.Pindyck, Daniel L.Rubinfeld, *Kinh tế học vi mô*, NXB KH và Kỹ thuật, 2002.

11. *Kinh tế vi mô*, câu hỏi trắc nghiệm và bài tập, NXB Thống kê, 2002.
12. *Hướng dẫn thực hành kinh tế học vi mô* - NXB Thống kê, 2002.
13. *Kinh tế học trong các vấn đề xã hội*, Ansel M.Sharp Charles A.Register Paul W.Grimes sách dịch, NXB Lao động xã hội, Hà Nội 2005.
14. *Kinh tế học hiện đại*, Milton Spencer, sách dịch 1997.
15. *Giá cả và sử dụng tài nguyên*, R.H.Lefwich, Nguyễn Bá Long dịch.
16. *Microeconomics* - Rober S.Pindyck, Macmillan Publising Company, 1992.
17. Mạng Internet...

5. Nội dung và hình thức dạy học:

NỘI DUNG (Ghi cụ thể theo từng chương, mục, tiểu mục)	Hình thức dạy - học						Tổng (tiết)
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	HD nhóm	Tự học tự NC	Kiểm tra	
Chương 1. Kinh tế học vi mô và những vấn đề kinh tế cơ bản của doanh nghiệp	5		2	1	(10)		8
1.1. Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu kinh tế học vi mô	2				(2)		2
1.1.1. Kinh tế học vi mô và mối quan hệ với kinh tế học vĩ mô	1						
1.1.2. Đối tượng và nội dung nghiên cứu của kinh tế học vi mô	0,5						
1.1.3. Phương pháp nghiên cứu kinh tế học vi mô	0,5						
1.2. Đường giới hạn khả năng sản xuất	1			1	(2)		2
1.2.1. Đường giới hạn khả năng sản xuất (PPP)	1						
1.2.2. Quy luật lợi suất giảm dần				1			
1.3. DN và những vấn đề kinh tế cơ bản của DN	1		1		(4)		2
1.3.1. DN và chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp	1						
1.3.2. Những vấn đề kinh tế cơ bản của doanh nghiệp			1				
1.4. Ảnh hưởng của các mô hình kinh tế đến việc lựa chọn các vấn đề kinh tế cơ bản của doanh nghiệp	1		1		(2)		2
1.4.1. Mô hình kinh tế kế hoạch hoá tập trung	1						
1.4.2. Mô hình kinh tế thị trường			0,5				
1.4.3. Mô hình kinh tế hỗn hợp			0,5				
Chương 2. Cung cầu	5,5	3,5	1		(15)		10
2.1. Cầu	1,5	1,5			(4)		3
2.1.1. Các khái niệm cơ bản	0,5						
2.1.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến cầu	0,5	0,5					
2.1.3. Phân biệt sự vận động và dịch chuyển của Đường cầu	0,5	1					
2.2. Cung	1	1			(4)		2
2.2.1. Các khái niệm cơ bản	0,5						
2.2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến cung	0,5	0,5					
2.2.3. Phân biệt sự vận động và dịch chuyển của Đường cung		0,5					
2.3. Mối quan hệ cung cầu trên thị trường	2	1	1		(4)		4
2.3.1. Cân bằng cung cầu trên thị trường	0,5						
2.3.2. Sự thừa và thiếu hụt trên thị trường	0,5	0,5					

2.3.3. Sự thay đổi trạng thái cân bằng trên thị trường	1	0,5					
2.3.4. Kiểm soát giá			1				
2.4. Các phương pháp ước lượng cầu	1				(3)		1
2.4.1. Điều tra, nghiên cứu hành vi người tiêu dùng							
2.4.2. Phương pháp thử nghiệm							
2.4.3. Phương pháp thí nghiệm trên thị trường							
2.4.4. Phương pháp phân tích hồi quy							
Chương 3. Lý thuyết người tiêu dùng	5,5	3	2,5		(15)	1	12
3.1. Sự co giãn của cầu	1,5	1,5	1		(6)		4
3.1.1. Co giãn của cầu theo giá (E^D_p)	0,5	0,5					
3.1.2. Co giãn của cầu theo thu nhập (E^D_I)	0,5	0,5					
3.1.3. Co giãn chéo của cầu (E^D_{xy})	0,5	0,5					
3.1.4. Độ co giãn của cung (E^S_p)			1				
3.2. Lý thuyết về lợi ích	2		1		(5)		3
3.2.1. Khái niệm – công thức xác định	1		0,5				
3.2.2. Quy luật lợi ích cận biên giảm dần	1		0,5				
3.3. Lựa chọn sản phẩm và tiêu dùng tối ưu	2	1,5	0,5		(4)	1	5
3.3.1. Lựa chọn hàng hoá tối ưu	1	1					
3.3.2. Giải thích bằng Đường NS và Đường bàng quan	1	0,5	0,5				
Chương 4. Lý thuyết về hành vi của doanh nghiệp	5	3	1	1	(14)		10
4.1. Lý thuyết về sản xuất	1		1		(3)		2
4.1.1. Hàm sản xuất	0,5		0,5				
4.1.2. Sản xuất với một đầu vào biến đổi	0,5						
4.1.3. Sản xuất với hai đầu vào biến đổi			0,5				
4.2. Lý thuyết về chi phí sản xuất	2	1			(3)		3
4.2.1. Khái niệm	1						
4.2.2. Chi phí ngắn hạn (K_{const})	0,5	1					
4.2.3. Chi phí dài hạn	0,5						
4.3. Lý thuyết về lợi nhuận và quyết định CC	2	2		1	(8)		5
4.3.1. Khái niệm – công thức	0,5	0,5					
4.3.2. Nguyên tắc tối đa hoá lợi nhuận	0,5	0,5		1			
4.3.3. Quyết định cung ứng của DN trong ngắn hạn	1	1					
Chương 5. Cạnh tranh - độc quyền	7	3	1		(12)		12
5.1. Các loại thị trường	1		1		(2)		2
5.1.1. Khái niệm	1						
5.1.2. Phân loại			1				
5.2. Thị trường cạnh tranh hoàn hảo	2	2			(3)		4
5.2.1. Khái niệm - đặc điểm	0,5						
5.2.2. Đặc điểm của doanh nghiệp CTHH	0,5						
5.2.3. Phân tích trong ngắn hạn	0,5	2					
5.2.4. Phân tích trong dài hạn	0,5						
5.3. Độc quyền thuần túy	1	2			(3)		3
5.3.1. Khái niệm - đặc điểm	0,5						
5.3.2. Đặc điểm của DN độc quyền thuần túy	0,5						
5.3.3. Xác định sản lượng tối ưu		1					
5.3.4. Kiểm soát độc quyền		1					
5.3.5. Công cụ kiểm soát							
5.4. Thị trường độc quyền nhóm	2				(2)		2

5.4.1. Khái niệm - đặc điểm	0,5						
5.4.2. Đặc điểm của DN độc quyền thuần túy	0,5						
5.4.3. Phương pháp xử thế về giá	1,0						
5.5. Thị trường cạnh tranh độc quyền	1			(2)		1	
5.5.1. Khái niệm - đặc điểm	0,5						
5.5.2. Đặc điểm của DN cạnh tranh độc quyền	0,5						
5.5.3. Xác định sản lượng tối ưu							
Chương 6. Thị trường yếu tố sản xuất	5	3	2	(12)		10	
6.1. Những vấn đề chung	1			(3)		1	
6.1.1. Giá cả và thu nhập từ các yếu tố sản xuất	0,5						
6.1.2. Cầu đối với các yếu tố sản xuất	0,5						
6.2. Thị trường lao động	2,5	1,5		(3)		4	
6.2.1. Cầu đối với lao động.	0,5						
6.2.2. Cung ứng về lao động	0,5	0,5					
6.2.3. Cân bằng trên thị trường lao động	1	0,5					
6.2.4. Tiền công tối thiểu	0,5	0,5					
6.3. Cung cầu về vốn	1	1	1	(3)		3	
6.3.1. Tiền thuê, lãi suất và giá cả của tài sản	0,5						
6.3.2. Cầu về vốn	0,5	0,5					
6.3.3. Cung về vốn		0,5					
6.3.4. Cân bằng trên thị trường vốn			1				
6.4. Đất đai và tiền thuê đất	0,5	0,5	1	(3)		2	
6.4.1. Cung về đất		0,5	0,5				
6.4.2. Tiền thuê đất	0,5		0,5				
Chương 7. Vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường theo định hướng Xã hội chủ nghĩa	3	1	1	(12)	1	6	
7.1. Trục trặc của nền kinh tế Thị trường	1	1	1	(6)		3	
7.1.1. Tình trạng CTKHH, ĐQ và sức mạnh TT	0,5						
7.1.2. ảnh hưởng của các ngoại ứng	0,5						
7.1.3. Cung cấp các sản phẩm công cộng		0,5					
7.1.4. Đảm bảo công bằng xã hội		0,5					
7.1.5. Khả năng đảm bảo của các loại thị trường			1				
7.2. Vai trò của chính phủ trong nền k tế thị trường	2			(6)	1	3	
7.2.1. Chức năng chủ yếu của Chính phủ	0,5						
7.2.2. Các công cụ chủ yếu của Chính phủ tác động vào nền kinh tế	0,5						
7.2.3. Các phương pháp điều tiết của Chính phủ	1						
Tổng	36	13,5	11,5	5	(90)	2	68

6. Lịch trình tổ chức dạy – học cụ thể:

Tuần	Nội dung	Chi tiết về hình thức tổ chức dạy - học	Nội dung yêu cầu sinh viên phải chuẩn bị trước (sinh viên tự học)	Ghi chú
	CHƯƠNG 1.	8 tiết	Kinh tế học vi mô và những vấn đề kinh tế cơ bản của dn	
	1.1.	2 tiết	Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu kinh tế học vi mô	
	1.1.1.	LT – 1 tiết	Kinh tế học vi mô và mối quan hệ với kinh	

		tế học vĩ mô	
1.1.2.	LT – 0,5 tiết	Đối tượng và nội dung nghiên cứu của kinh tế học vi mô	
1.1.3.	LT – 0,5 tiết	PP nghiên cứu kinh tế học vi mô	
1.2.	2 tiết	Đường giới hạn khả năng sản xuất	
1.2.1.	LT – 1 tiết	Đường giới hạn khả năng SX (PPP)	
1.2.2.	HĐN – 1 tiết	Quy luật lợi suất giảm dần	
1.3.	2 tiết	DN và những vấn đề kinh tế cơ bản của DN	
1.3.1.	LT – 1 tiết	DN và chu kỳ kinh doanh	
1.3.2.	TL – 1 tiết	Những vấn đề kinh tế cơ bản của DN	
1.4.	2 tiết	Ảnh hưởng của các mô hình kinh tế đến việc lựa chọn các vấn đề kinh tế cơ bản của doanh nghiệp	
1.4.1.	LT – 1 tiết	Mô hình kinh tế kế hoạch hoá tập trung	
1.4.2.	TL – 0,5 tiết	Mô hình kinh tế thị trường	
1.4.3.	TL – 0,5 tiết	Mô hình kinh tế hỗn hợp	
CHƯƠNG 2.	10 tiết	Cung cầu	
2.1.	3 tiết	Cầu	
2.1.1.	LT – 0,5 tiết	Các khái niệm cơ bản	
2.1.2.	LT – 0,5 tiết BT – 0,5 tiết	Các nhân tố ảnh hưởng đến cầu	
2.1.3.	LT – 0,5 tiết BT – 1 tiết	Phân biệt sự vận động và dịch chuyển của Đường cầu	
2.2.	2 tiết	Cung	
2.2.1.	LT – 0,5 tiết	Các khái niệm cơ bản	
2.2.2.	LT – 0,5 tiết BT – 0,5 tiết	Các nhân tố ảnh hưởng đến cung	
2.2.3.	BT – 0,5 tiết	Sự vận động và dịch chuyển của Đường cung	
2.3.	4 tiết	Mối quan hệ cung cầu trên thị trường	
2.3.1.	LT – 0,5 tiết	Cân bằng cung cầu trên thị trường	
2.3.2.	LT – 0,5 tiết BT – 0,5 tiết	Sự d thừa và thiếu hụt trên thị trường	
2.3.3.	LT – 1 tiết BT – 0,5 tiết	Sự thay đổi trạng thái cân bằng trên TT	
2.3.4.	TL - 1tiết	Kiểm soát giá	
2.4.	1 tiết	Các phương pháp ớc lượng cầu	
2.4.1.		Điều tra, NC hành vi người tiêu dùng	
2.4.2.		Phương pháp thử nghiệm	
2.4.3.		Phương pháp thí nghiệm trên thị trường	
2.4.4.		Phương pháp phân tích hội quy	
CHƯƠNG 3.	12 tiết	Lý thuyết người tiêu dùng	
3.1.	4 tiết	Sự co giãn của cầu	
3.1.1.	LT – 0,5 tiết BT – 0,5 tiết	Co giãn của cầu theo giá (E^D_p)	
3.1.2.	LT – 0,5 tiết BT – 0,5 tiết	Co giãn của cầu theo thu nhập (E^D_I)	
3.1.3.	LT – 0,5 tiết BT – 0,5 tiết	Co giãn chéo của cầu (E^D_{XY})	
3.1.4.	TL – 1 tiết	Độ co giãn của cung (E^S_p)	

3.2.	3 tiết	Lý thuyết về lợi ích	
3.2.1.	LT – 1 tiết TL – 0,5 tiết	Khái niệm - công thức xác định	
3.2.2.	LT – 1 tiết TL – 0,5 tiết	Quy luật lợi ích cận biên giảm dần	
3.3.	5 tiết	Lựa chọn sản phẩm và tiêu dùng tối ưu	
3.3.1.	LT – 1 tiết BT – 1 tiết	Lựa chọn hàng hoá tối ưu	
3.3.2.	LT – 1 tiết BT – 0,5 tiết TL – 0,5 tiết KT – 1 tiết	Giải thích bằng Đường NS và bàng quan	
CHƯƠNG 4.	10 tiết	LT về hành vi của DN	
4.1.	2 tiết	Lý thuyết về sản xuất	
4.1.1.	LT – 0,5 tiết TL – 0,5 tiết	Hàm sản xuất	
4.1.2.	LT – 0,5 tiết	Sản xuất với một đầu vào biến đổi	
4.1.3.	TL – 0,5 tiết	Sản xuất với hai đầu vào biến đổi	
4.2.	3 tiết	Lý thuyết về chi phí sản xuất	
4.2.1.	LT – 1 tiết	Khái niệm	
4.2.2.	LT – 0,5 tiết BT – 1 tiết	Chi phí ngắn hạn (K const)	
4.2.3.	LT – 0,5 tiết	Chi phí dài hạn	
4.3.	5 tiết	Lý thuyết về lợi nhuận và quyết định CC	
4.3.1.	LT – 1 tiết BT – 1 tiết	Khái niệm – công thức	
4.3.2.	LT – 0,5 tiết BT – 0,5 tiết	Nguyên tắc tối đa hoá lợi nhuận	
4.3.3	LT – 1 tiết BT – 1 tiết	Quyết định cung ứng của DN trong NH	
CHƯƠNG 5.	12 tiết	Cạnh tranh - Độc quyền	
5.1.	2 tiết	Các loại thị trường	
5.1.1.	LT – 1 tiết	Khái niệm	
5.1.2.	TL – 1 tiết	Phân loại	
5.2.	4 tiết	Thị trường cạnh tranh hoàn hảo	
5.2.1.	LT – 0,5 tiết	Khái niệm - đặc điểm	
5.2.2.	LT – 0,5 tiết	Đặc điểm của doanh nghiệp CTHH	
5.2.3.	LT – 1 tiết BT – 1 tiết	Phân tích trong ngắn hạn	
5.2.4.	LT – 1 tiết	Phân tích trong dài hạn	
5.3.	3 tiết	Độc quyền thuần túy	
5.3.1.	LT – 0,5 tiết	Khái niệm - đặc điểm	
5.3.2.	LT – 0,5 tiết	Đặc điểm của DN độc quyền thuần túy	
5.3.3.	BT – 1 tiết	Xác định sản lượng tối u	
5.3.4.	BT – 1 tiết	Kiểm soát độc quyền	
5.3.5.		Công cụ kiểm soát	
5.4.	2 tiết	Thị trường độc quyền nhóm	
5.4.1.	LT – 1 tiết	Khái niệm - đặc điểm	
5.4.2.	LT – 1 tiết	Đặc điểm của DN độc quyền thuần túy	
5.4.3.		Phương pháp xử thế về giá	

5.5.	1 tiết	Thị trường cạnh tranh độc quyền	
5.4.1.	TL – 0,5 tiết	Khái niệm - đặc điểm	
5.4.2.	TL – 0,5 tiết	Đặc điểm của DN cạnh tranh độc quyền	
5.4.3.		Xác định sản lượng tối ưu	
CHƯƠNG 6.	10 tiết	Thị trường yếu tố SX	
6.1.	1 tiết	Những vấn đề chung	
6.1.1.	LT – 0,5 tiết	Giá cả và thu nhập từ các yếu tố sản xuất	
6.1.2.	LT – 0,5 tiết	Cầu đối với các yếu tố sản xuất	
6.2.	4 tiết	Thị trường lao động	
6.2.1.	LT – 0,5 tiết	Cầu đối với lao động.	
6.2.2.	LT – 0,5 tiết TL – 0,5 tiết	Cung ứng về lao động	
6.2.3.	LT – 1 tiết TL – 0,5 tiết	Cân bằng trên thị trường lao động	
6.2.4.	LT – 0,5 tiết TL – 0,5 tiết	Tiền công tối thiểu	
6.3.	3 tiết	Cung cầu về vốn	
6.3.1.	LT – 0,5 tiết	Tiền thuê, lãi suất và giá cả của tài sản	
6.3.2.	LT – 0,5 tiết TL – 0,5 tiết	Cầu về vốn	
6.3.3.	TL – 0,5 tiết	Cung về vốn	
6.3.4.	HDN – 1 tiết	Cân bằng trên thị trường vốn	
6.4.	2 tiết	Đất đai và tiền thuê đất	
6.4.1.	TL – 0,5 tiết HDN – 0,5 tiết	Cung về đất	
6.4.2.	LT – 0,5 tiết HDN – 0,5 tiết	Tiền thuê đất	
CHƯƠNG 7.	6 tiết	Vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường theo định hướng Xã hội chủ nghĩa	
7.1.	3 tiết	Trực trắc của nền kinh tế Thị trường	
7.1.1.	LT – 0,5 tiết	Tình trạng CTKHH, ĐQ và sức mạnh TT	
7.1.2.	LT – 0,5 tiết	Ảnh hưởng của các ngoại ứng	
7.1.3.	TL – 0,5 tiết	Cung cấp các sản phẩm công cộng	
7.1.4.	TL – 0,5 tiết	Đảm bảo công bằng xã hội	
7.1.5.	HDN – 1 tiết	Khả năng đảm bảo của các loại thị trường	
7.2.	3 tiết	Vai trò của chính phủ trong nền ktế TT	
7.2.1.	LT – 0,5 tiết	Chức năng chủ yếu của Chính phủ	
7.2.2.	LT – 0,5 tiết	Các công cụ chủ yếu của Chính phủ tác động vào nền ktế	
7.2.3.	LT – 1 tiết	Các phương pháp điều tiết của Chính phủ	
	KT – 1 tiết		

7. Tiêu chí đánh giá nhiệm vụ giảng viên giao cho sinh viên:

- Sinh viên phải dự học tối thiểu 70% thời lượng học trên lớp của môn học mới được đánh giá điểm quá trình và tham dự thi hết môn.

- Thông qua các tài liệu được liệt kê ra ở phần “4. Học liệu”, sinh viên phải tìm hiểu bài trước khi lên lớp theo các “Nội dung yêu cầu sinh viên phải chuẩn bị trước” trong phần “6. Lịch trình tổ chức dạy – học cụ thể”.

- Sinh viên dự lớp phải tham gia thảo luận và xây dựng bài trên lớp với nội dung, chất lượng tốt .

8. Hình thức kiểm tra, đánh giá môn học:

- Sử dụng thang điểm 10 để đánh giá môn học.

- Hình thức thi: Trắc nghiệm trên máy.

9. Các loại điểm kiểm tra và trọng số của từng loại điểm:

- Điểm đánh giá môn học bao gồm 2 phần:

+ Điểm quá trình: Chiếm 30% trong tổng điểm đánh giá hết môn, trong đó bao gồm: Sinh viên đi học chuyên cần; Sinh viên chịu khó sưu tầm tài liệu để tìm hiểu các vấn đề theo “nội dung yêu cầu sinh viên phải chuẩn bị trước” với chất lượng tốt; Sinh viên tích cực tham gia thảo luận xây dựng bài.

+ Điểm thi cuối kỳ: Chiếm 70% trong tổng điểm đánh giá hết môn, hình thức thi “trắc nghiệm trên máy”.

10. Yêu cầu của giảng viên đối với môn học:

- Yêu cầu về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học (giảng đường, phòng máy, ...): Nhà trường trang bị hệ thống phòng học có máy chiếu và máy tính cố định để phục vụ cho các tiết thảo luận và giảng dạy (tối thiểu 1/2 số tiết của môn học được sử dụng máy chiếu)

- Yêu cầu đối với sinh viên (sự tham gia học tập trên lớp, quy định về thời hạn, chất lượng các bài tập về nhà, ...): Sinh viên phải tìm hiểu trước các vấn đề theo “nội dung yêu cầu sinh viên phải chuẩn bị trước” để phục vụ cho việc giảng dạy và thảo luận.

Chủ nhiệm khoa

Hải Phòng, tháng 6 năm 2011
Người viết đề cương chi tiết

ThS. Hoà T.Thanh Hương